

Cà Mau, ngày 18 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO (TÓM TẮT) TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Căn cứ Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 phát hành ngày 15/7/2025;

Công ty cổ phần Môi trường đô thị Cà Mau Báo cáo (Tóm tắt) tài chính 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Diễn giải	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. TÀI SẢN		
A. Tài sản ngắn hạn	25.892.297.074	19.561.097.966
- Tiền và các khoản tương đương tiền	21.124.025.728	12.897.668.016
- Các khoản phải thu ngắn hạn	4.597.602.091	3.446.873.010
- Hàng tồn kho	58.752.924	3.203.526.291
- Tài sản ngắn hạn khác	111.916.331	13.030.649
B. Tài sản dài hạn	3.693.098.482	4.546.178.689
- Các khoản phải thu dài hạn	222.686.365	299.859.882
- Tài sản cố định	3.424.711.970	4.126.873.387
- Tài sản dở dang dài hạn		
- Tài sản dài hạn khác	45.700.147	119.445.420
Tổng cộng tài sản	29.585.395.556	24.107.276.655
II. NGUỒN VỐN		
A. Nợ phải trả	9.536.937.537	11.000.276.655
- Nợ ngắn hạn	9.536.937.537	11.000.276.655
- Nợ dài hạn		
B. Vốn chủ sở hữu	20.048.458.019	13.107.000.000
- Vốn góp chủ sở hữu	20.048.458.019	13.107.000.000
- Nguồn kinh phí		
Tổng cộng nguồn vốn	29.585.395.556	24.107.276.655
C. Vốn điều lệ	13.107.000.000	13.107.000.000
- Vốn Nhà nước	12.043.000.000	12.043.000.000

- Vốn cổ đông ngoài	1.064.000.000	1.064.000.000
III. KẾT QUẢ KINH DOANH	Số cuối kỳ	Số năm trước
A. Doanh thu	29.173.485.871	41.256.868.617
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.158.691.601	41.053.236.304
- Doanh thu hoạt động tài chính	11.986.800	13.049.908
- Thu nhập khác	2.807.470	190.582.405
B. Chi phí	20.496.663.347	38.195.629.566
- Giá vốn hàng bán	15.581.402.599	29.418.209.103
- Chi phí bán hàng	749.653.966	1.305.267.885
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.165.606.782	7.468.171.719
- Chi phí khác		3.980.859
C. Lợi nhuận trước thuế	8.676.822.524	3.061.239.051
D. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.735.364.505	612.343.982
E. Lợi nhuận sau thuế	6.941.458.019	2.448.895.069
IV. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN	Số cuối kỳ	Số năm trước
A. Cơ cấu tài sản (lần)		
- Tài sản cố định / Tổng tài sản	0,12	0,17
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	0,88	0,81
B. Cơ cấu nguồn vốn (lần)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	0,32	0,46
- Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	0,68	0,54
C. Chỉ số thanh toán (lần)		
- Tổng tài sản / Tổng nợ (nợ phải trả)	3,10	2,19
- Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	2,71	1,78
D. Tỷ suất lợi nhuận (%)		
- LN trước thuế / Doanh thu (Tổng doanh thu)	29,74%	7,42%
- LN sau thuế / Doanh thu (Tổng doanh thu)	23,79%	5,94%
- Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	29,33%	12,70%
- Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	23,46%	10,16%
- Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	34,62%	18,68%
E. Cổ tức		
- Cổ tức được chia		734.668.521
- Cổ tức / Vốn điều lệ (%)		5,61

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu VT. CBTT.

GIÁM ĐỐC 

Luu Minh Hung